

SỞ TƯ PHÁP - TÒA ÁN NHÂN  
DÂN - VIỆN KIỂM SÁT NHÂN  
DÂN - CÔNG AN THÀNH PHỐ  
- CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 04 tháng 5 năm 2017

Số: 61 /QC-STP-TAND-VKSND-  
CATP-CTHADS

## QUY CHẾ

**Phối hợp liên ngành trong việc trao đổi, cung cấp thông tin  
lý lịch tư pháp trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

### Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định chế độ phối hợp rà soát, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích để cấp Phiếu lý lịch tư pháp và xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp trên địa bàn thành phố Cần Thơ giữa Sở Tư pháp với Công an thành phố, Tòa án nhân dân thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố, Cục Thi hành án dân sự thành phố và các cơ quan cấp huyện thuộc các ngành nêu trên (sau đây gọi tắt là các cơ quan phối hợp) theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp năm 2009 (sau đây gọi tắt là Luật Lý lịch tư pháp); Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp (sau đây gọi tắt là Nghị định số 111/2010) và Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 04/2012).

#### Điều 2. Thông tin lý lịch tư pháp và Phiếu lý lịch tư pháp

1. Thông tin lý lịch tư pháp bao gồm thông tin lý lịch tư pháp về án tích và thông tin lý lịch tư pháp về cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 2 Luật Lý lịch tư pháp.

2. Phiếu lý lịch tư pháp do Sở Tư pháp lập và cấp cho cá nhân, cơ quan, tổ chức theo yêu cầu được quy định tại khoản 4 Điều 2 Luật Lý lịch tư pháp.

#### Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp dựa trên cơ sở bình đẳng, tuân thủ pháp luật, phát huy tinh thần trách nhiệm, hỗ trợ lẫn nhau trên cơ sở thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phối hợp theo quy định của pháp luật, không làm cản trở đến hoạt động của cơ quan, tổ chức và ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

CỤC THADS TP. CẦN THƠ	
Số: 884	
Ngày: 07-6-2017	
Chuyển: V.P. Trần Văn	

2. Phối hợp giữa các cơ quan phối hợp phải đồng bộ, chặt chẽ, thống nhất trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn nhằm đảm bảo thời hạn cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, cấp phiếu lý lịch tư pháp và xác định trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Đảm bảo thời hạn cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, cấp phiếu lý lịch tư pháp nêu trong Luật Lý lịch tư pháp và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định.

#### **Điều 4. Tổ chức quản lý Lý lịch tư pháp**

Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý Nhà nước về lý lịch tư pháp, xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và cấp phiếu lý lịch tư pháp trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định của pháp luật cho các đối tượng sau:

1. Công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam;
2. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;
3. Cơ quan tiên hành tố tụng.

#### **Điều 5. Bộ phận đầu mối tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp**

1. Bộ phận đầu mối cung cấp thông tin lý lịch tư pháp tại Tòa án:

a) Tòa án nhân dân thành phố giao cho công chức Tòa Hình sự, Tòa Kinh tế và Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án làm nhiệm vụ tổng đạt bản án, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

b) Tòa án nhân dân cấp huyện giao cho công chức làm nhiệm vụ tổng đạt bản án hình sự thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

2. Bộ phận đầu mối cung cấp thông tin lý lịch tư pháp tại Viện kiểm sát:

Viện kiểm sát nhân dân thành phố giao cho Phòng Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

3. Bộ phận đầu mối tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích tại cơ quan Công an:

a) Phòng Hồ sơ Công an thành phố thực hiện nhiệm vụ tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin có trước ngày 01 tháng 7 năm 2010 để cấp Phiếu lý lịch tư pháp;

b) Giám thị trại giam, giám thị trại tạm giam, Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an thành phố cung cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt tù, giấy chứng nhận đặc xá, đại xá có từ ngày 01 tháng 7 năm 2010;

c) Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an thành phố thông báo về việc thi hành án phạt trực xuất;

d) Công an cấp huyện (Bộ phận thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp) cung cấp giấy chứng nhận chấp hành xong thời gian thử thách án treo, án phạt

cải tạo không giam giữ, án phạt cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định có từ ngày 01 tháng 7 năm 2010. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù cho người chấp hành xong án phạt tại xã, phường, thị trấn trước ngày 01/7/2011 (theo Hướng dẫn số 05/HD-C81-C83 ngày 20/8/2015 của Bộ Công an).

4. Bộ phận đầu mối cung cấp thông tin lý lịch tư pháp tại cơ quan thi hành án dân sự:

a) Cục Thi hành án dân sự thành phố giao cho Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

b) Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện giao cho một công chức thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

#### **Điều 6. Hình thức và phương thức cung cấp thông tin lý lịch tư pháp**

1. Thông tin lý lịch tư pháp được gửi theo một trong các hình thức sau:

a) Trích lục bản án hình sự theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04 hoặc bản chính hoặc bản sao bản án (sau đây gọi là trích lục bản án hình sự);

b) Bản chính hoặc bản sao quyết định, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, văn bản thông báo;

c) Văn bản điện tử sử dụng chữ ký số hoặc văn bản định dạng PDF (có chữ ký và con dấu) trong trường hợp cung cấp qua mạng máy tính. Việc cung cấp thông tin qua mạng máy tính phải bảo đảm tính bảo mật, an toàn, chính xác của thông tin;

d) Đối với thông tin lý lịch tư pháp có trước ngày 01 tháng 7 năm 2010, ngoài hình thức nêu tại điểm a, b khoản này có thể được gửi dưới hình thức công văn trả lời.

2. Thông tin lý lịch tư pháp được gửi bằng một trong các phương thức như trực tiếp, qua bưu điện, mạng máy tính, cụ thể:

a) Trường hợp thông tin lý lịch tư pháp được gửi trực tiếp thì bộ phận tiếp nhận có trách nhiệm tiếp nhận, làm thủ tục ký nhận giữa bên tiếp nhận và bên gửi thông tin. Sau khi làm thủ tục ký nhận, công chức tiếp nhận có trách nhiệm đăng ký sổ văn bản đến, ghi rõ ngày tiếp nhận, số ký hiệu tên văn bản, tên văn bản, cơ quan cung cấp thông tin, ký và ghi rõ họ tên của mình. Ngày ký nhận văn bản là ngày Sở Tư pháp nhận được thông tin lý lịch tư pháp;

b) Trường hợp thông tin lý lịch tư pháp được gửi qua bưu điện thì bộ phận tiếp nhận phải vào sổ văn bản đến, ghi rõ ngày tiếp nhận, số ký hiệu văn bản, tên văn bản, cơ quan cung cấp thông tin, ký và ghi rõ họ tên của mình. Ngày nhận được văn bản theo dấu bưu điện chuyển đến là ngày Sở Tư pháp nhận được thông tin lý lịch tư pháp;

c) Trường hợp thông tin lý lịch tư pháp được cung cấp qua mạng máy tính thì các cơ quan có liên quan phải có văn bản thông báo địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan mình hoặc của bộ phận làm đầu mối cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho Sở Tư pháp. Sở Tư pháp có nhiệm vụ cung cấp địa chỉ thư điện tử chính thức của bộ phận tiếp nhận thông tin. Việc cung cấp thông tin qua mạng máy tính chỉ được thực hiện sau khi Sở Tư pháp thông báo cho các cơ quan có liên quan địa chỉ thư điện tử chính thức của bộ phận tiếp nhận thông tin.

Sau khi nhận được thông tin, bộ phận tiếp nhận có trách nhiệm vào sổ văn bản đến, ghi rõ ngày tiếp nhận, số ký hiệu văn bản, tên văn bản, cơ quan cung cấp thông tin, ký nhận vào sổ và thông báo cho cơ quan, đơn vị đã cung cấp thông tin.

## **Chương II**

### **PHỐI HỢP CUNG CẤP THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP ĐỂ XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU LÝ LỊCH TƯ PHÁP**

**Điều 7. Trách nhiệm của Tòa án nhân dân các cấp** (theo Điều 13 Thông tư liên tịch số 04/2012)

1. Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án gửi cho Sở Tư pháp nơi Tòa án đó có trụ sở trích lục bản án hình sự hoặc bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật; trường hợp vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm thì Tòa án đã xét xử phúc thẩm cung cấp bản án phúc thẩm kèm theo bản án sơ thẩm cho Sở Tư pháp nơi Tòa án đó trụ sở.

2. Tòa án đã ra các quyết định sau đây có nhiệm vụ gửi quyết định đó cho Sở Tư pháp:

a) Quyết định thi hành án phạt tù, án treo, án phạt cải tạo không giam giữ trong trường hợp người bị kết án phải chấp hành án phạt tù, án treo, án phạt cải tạo không giam giữ;

b) Quyết định thi hành án phạt trực xuất trong trường hợp người bị kết án phải chấp hành án phạt trực xuất;

c) Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù trong trường hợp người bị kết án phải chấp hành án phạt tù mà được hoãn thi hành án;

d) Quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong trường hợp người bị kết án đang chấp hành án phạt tù nhưng được tạm đình chỉ thi hành án;

đ) Quyết định miễn chấp hành án phạt tù có thời hạn, án phạt cải tạo không giam giữ trong trường hợp người bị kết án được miễn chấp hành án phạt tù có thời hạn, án phạt cải tạo không giam giữ;

e) Quyết định miễn chấp hành án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế trong trường hợp người bị kết án được miễn chấp hành án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế;

g) Quyết định giảm chấp hành án phạt tù, án phạt cải tạo không giam giữ trong trường hợp người bị kết án được giảm chấp hành án phạt tù, án phạt cải tạo không giam giữ;

h) Quyết định rút ngắn thời gian thử thách án treo trong trường hợp người bị kết án được rút ngắn thời gian thử thách án treo;

i) Quyết định đình chỉ chấp hành án phạt tù và đình chỉ thi hành án trong trường hợp người bị kết án đang chấp hành án phạt tù chết hoặc người được tạm đình chỉ, người được hoãn Thi hành án phạt tù chết;

k) Quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước trong trường hợp người bị kết án được miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước.

3. Tòa án đã cấp giấy chứng nhận đặc xá trong trường hợp người bị kết án được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù có nhiệm vụ gửi giấy chứng nhận đó cho Sở Tư pháp.

4. Tòa án đã ra quyết định xóa án tích hoặc cấp giấy chứng nhận xóa án tích có nhiệm vụ gửi quyết định, giấy chứng nhận đó cho Sở Tư pháp.

5. Tòa án đã ra quyết định thi hành án tử hình có nhiệm vụ gửi cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở trong các trường hợp sau:

a) Tòa án đã ra quyết định thi hành án tử hình có nhiệm vụ gửi quyết định đó cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở sau khi đã thi hành án xong;

b) Trường hợp người bị kết án tử hình được Chủ tịch nước quyết định ân giảm án tử hình thì Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án có nhiệm vụ gửi quyết định đó cho Sở Tư pháp nơi Tòa án có trụ sở theo quy định.

6. Thời hạn gửi trích lục bản án hình sự, bản án hình sự, quyết định, giấy chứng nhận quy định tại các khoản từ khoản 1 đến khoản 5 được thực hiện như sau:

a) Thời hạn gửi các văn bản quy định tại khoản 1, các điểm i, k khoản 2, khoản 3 và 4 Điều này là 10 ngày làm việc, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định hoặc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận. Đối với bản án phạt cảnh cáo thì thời hạn gửi trích lục bản án hoặc bản án là 07 ngày làm việc, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật;

b) Thời hạn gửi các quyết định quy định tại các điểm a, c, đ, e, g, h khoản 2 và điểm b khoản 5 Điều này là 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định;

c) Các quyết định quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều này được gửi ngay sau khi ra quyết định.

7. Tòa án đã ra quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, trong đó có nội dung cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã có nhiệm vụ gửi cho Sở Tư pháp quyết định tuyên bố phá sản hoặc trích lục quyết định tuyên bố phá sản (mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2012) trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

### **Điều 8. Trách nhiệm của Viện Kiểm sát nhân dân**

Viện kiểm sát nhân dân thành phố phối hợp cung cấp các thông tin về các vụ án hình sự trên địa bàn thành phố cho Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có yêu cầu phối hợp của Sở Tư pháp.

### **Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan Công an**

Công an thành phố có trách nhiệm chỉ đạo (Phòng Hồ sơ Công an thành phố Cần Thơ phối hợp Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp) cung cấp các thông tin sau đây cho Sở Tư pháp:

1. Giấy chứng nhận đã chấp hành xong thời gian thử thách án treo, án phạt cải tạo không giam giữ cho Sở Tư pháp nơi Tòa án đã ra quyết định thi hành án trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 62, khoản 3 Điều 73 Luật Thi hành án hình sự năm 2010.

2. Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế, án phạt tước một số quyền công dân, án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định cho Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 82, khoản 3 Điều 89, khoản 5 Điều 103 và khoản 5 Điều 107 Luật Thi hành án hình sự năm 2010.

### **Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan Thi hành án dân sự**

1. Cục Thi hành án dân sự thành phố, Chi cục Thi hành án dân sự quận, huyện đã ra quyết định thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác của người bị kết án trong bản án hình sự; quyết định đình chỉ thi hành án (nếu có); giấy xác nhận kết quả thi hành án (nếu có) có nhiệm vụ gửi quyết định, giấy xác nhận đó cho Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định hoặc cấp giấy xác nhận.

2. Trường hợp người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác trong bản án hình sự thì Cục Thi hành án dân sự thành phố, Chi cục Thi hành án dân sự quận, huyện thông báo bằng văn bản (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2012) cho Sở Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày người bị kết án đã chấp hành xong nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự.

### **Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tư pháp trong việc tiếp nhận, cập nhật thông tin lý lịch tư pháp**

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tiếp nhận đầy đủ, kịp thời thông tin lý lịch tư pháp do các cơ quan, tổ chức cung cấp theo quy định tại Điều 15 của Luật Lý lịch tư pháp, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quy chế này.

2. Trường hợp thông tin lý lịch tư pháp chưa đầy đủ, có sai sót trong cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, Sở Tư pháp đề nghị các cơ quan phối hợp và các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin bổ sung, đính chính trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị bổ sung, đính chính.

**Chương III**  
**TRA CỨU, XÁC MINH, CUNG CẤP THÔNG TIN**  
**LÝ LỊCH TƯ PHÁP ĐỂ CẤP PHIẾU LÝ LỊCH TƯ PHÁP**

**Điều 12. Tra cứu, xác minh thông tin có trước ngày 01 tháng 7 năm 2010 tại cơ quan Công an**

1. Phòng Hồ sơ Công an thành phố thực hiện tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp về án tích để cấp Phiếu lý lịch tư pháp trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu xác minh thông tin lý lịch tư pháp (theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 04/2012); trường hợp phải tra cứu thông tin trong hệ thống hồ sơ, tàng thư của Bộ Công an thì thời hạn không quá 09 ngày làm việc (Điều 25 Nghị định số 111/2010).

Khi nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Phòng Hồ sơ Công an thành phố nơi người bị kết án đã chấp hành xong án phạt tù, được đặc xá, đại xá tra cứu, xác minh để thực hiện cung cấp thông tin về việc chấp hành xong án phạt tù, được đặc xá, đại xá có trước ngày 01 tháng 7 năm 2010 để lập Lý lịch tư pháp của người bị kết án theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP.

2. Việc trích chuyển số tiền thu phí cấp Phiếu lý lịch tư pháp được để lại Sở Tư pháp cho các cơ quan phối hợp xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp được thực hiện theo quy định của Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

**Điều 13. Tra cứu thông tin có trước ngày 01 tháng 7 năm 2010 tại Tòa án nhân dân**

1. Trong trường hợp kết quả tra cứu thông tin lý lịch tư pháp của cơ quan Công an vẫn chưa đủ căn cứ để kết luận hoặc nội dung về tình trạng án tích của đương sự có điểm chưa rõ ràng, đầy đủ thì Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án hoặc Tòa án đã xét xử phúc thẩm vụ án liên quan đến đương sự để tra cứu hồ sơ, nhằm khẳng định người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp có án tích hay không có án tích và các trường hợp xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích đối với người bị kết án đã có đủ thời gian để đương nhiên được xóa án tích theo quy định của Bộ Luật hình sự năm 2015.

Trường hợp Sở Tư pháp trực tiếp xác minh thì việc trực tiếp xác minh phải được lập thành biên bản theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 25 Thông tư liên tịch số 04/2012). Trường hợp Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị tra cứu thông tin thì văn bản đề nghị phải ghi rõ thông tin về người được cấp Phiếu lý lịch tư pháp bao gồm: họ tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, quốc tịch, nơi cư trú, số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, hộ chiếu, họ tên cha, mẹ, vợ, chồng và thông tin về bản án liên quan đến đương sự (nếu có).

Việc tra cứu thông tin tại Tòa án trong trường hợp này được tiến hành ngay sau khi nhận được kết quả tra cứu, xác minh thông tin của cơ quan Công an.

2. Tòa án nơi nhận được đề nghị tra cứu thông tin thực hiện tra cứu hồ sơ và thông báo kết quả cho Sở Tư pháp đã đề nghị trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị tra cứu thông tin.

#### **Điều 14. Tra cứu thông tin lý lịch tư pháp tại cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp**

1. Việc tra cứu thông tin lý lịch tư pháp từ ngày 01 tháng 7 năm 2010 được thực hiện tại cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Sở Tư pháp, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia theo quy định tại Điều 47 Luật Lý lịch tư pháp.

2. Trường hợp người bị Tòa án kết án trước ngày 01 tháng 7 năm 2010 nhưng từ ngày 01 tháng 7 năm 2010 Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia hoặc Sở Tư pháp đã lập lý lịch tư pháp của người đó theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP thì việc tra cứu thông tin được thực hiện tại cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp tại Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia, Sở Tư pháp để cấp Phiếu lý lịch tư pháp của người đó khi có yêu cầu.

### **Chương IV PHỐI HỢP CUNG CẤP, XÁC MINH, RÀ SOÁT THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP**

#### **Điều 15. Phối hợp rà soát cung cấp thông tin lý lịch tư pháp**

1. Định kỳ 06 tháng và hàng năm, Sở Tư pháp chủ động thực hiện việc rà soát về số lượng thông tin lý lịch tư pháp đã được cung cấp theo quy định tại Điều 13, Điều 14, khoản 3 Điều 15, khoản 4 Điều 16, Điều 17, Điều 20 Thông tư liên tịch số 04/2012 với các cơ quan phối hợp.

2. Việc phối hợp rà soát về số lượng thông tin lý lịch tư pháp đã cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Sở Tư pháp có nhiệm vụ gửi cho các cơ quan có liên quan quy định tại khoản 1 Điều này văn bản đề nghị kèm theo trích sao báo cáo thống kê thông tin lý lịch tư pháp đã nhận được để phối hợp rà soát, đối chiếu;

b) Các cơ quan phối hợp có nhiệm vụ rà soát, xác minh, đối chiếu số liệu thông tin lý lịch tư pháp mà cơ quan, đơn vị đó có nhiệm vụ cung cấp và thông báo cho Sở Tư pháp trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị rà soát thông tin lý lịch tư pháp;

c) Trường hợp số lượng thông tin lý lịch tư pháp cung cấp chưa đầy đủ, Sở Tư pháp đề nghị các cơ quan phối hợp xác minh, cung cấp thêm thông tin.

### **Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 16. Tổ chức thực hiện**

1. Quy chế này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2017 và thay thế Quy chế số 1302/QC-STP-TAND-VKSND-CATP-CTHADS ngày 18/9/2012.



2. Các cơ quan phối hợp có trách nhiệm triển khai Quy chế này và các văn bản pháp luật khác có liên quan cho công chức mình thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp hoặc vướng mắc giữa các cơ quan phối hợp thì cùng nhau giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương./.

**GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP**



*Võ Văn Chính*

**CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN**



*Nguyễn Thanh Thiên*

**VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN**



*Nguyễn Hồng Nhất*

**GIÁM ĐỐC CÔNG AN THÀNH PHỐ**



*Đại tá Trần Ngọc Hạnh*

**CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN**



*Nguyễn Viết Xuân*

**Nơi nhận:**

- Trung tâm LLTPQG-Bộ Tư pháp;
- UBND TP. Cần Thơ;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Công an TP. Cần Thơ;
- Cục THADS TP. Cần Thơ;
- Tòa án ND quận, huyện;
- VKSND quận, huyện;
- Công an quận, huyện;
- Chi cục THADS quận, huyện;
- Lưu: VT, LLTP.